

Số: 2471 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 07 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị
ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu dân cư và tái định cư
Vĩnh Hội (đợt 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 và Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 27/TTr-HĐBT ngày 15/6/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 780/TTr-STNMT ngày 05/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản gắn liền với đất cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội (đợt 2), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **1.193.146.837 đồng** (Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.167.462.659 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 23.349.253 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 2.335.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 1.634.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 2.334.925 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các kiến nghị, nội dung lưu ý của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 780/TTr-STNMT ngày 05/7/2023 theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phục lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ VĨNH HỘI (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Bồi thường, hỗ trợ đất	Vật kiến trúc, mồ mã	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
I	Các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp							
1	Trần Dũng Huy	Vĩnh Hội, Cát Hải	268,8	440.294	0	6.197.000	0	6.637.294
2	Võ Ngọc Trí	Vĩnh Hội, Cát Hải	1451,3	2.377.229	0	23.234.000	0	25.611.229
3	Trần Lý	Vĩnh Hội, Cát Hải	686,9	1.323.504	0	13.564.900	0	14.888.404
4	Đoàn Mạnh	Vĩnh Hội, Cát Hải	3715,5	6.085.989	0	0	0	6.085.989
5	Trần Được Trần Văn Tốt	Vĩnh Hội, Cát Hải	2552,1	2.349.056	0	21.815.100	0	24.164.156
6	Nguyễn Thị Hằng	Vĩnh Hội, Cát Hải	589,0	973.300	0	8.364.300	0	9.337.600
7	Nguyễn Văn Dũng Nguyễn Văn Tùng	Vĩnh Hội, Cát Hải	935,8	1.532.840	0	13.158.600	0	14.691.440
8	Đoàn Đình Trọng	Vĩnh Hội, Cát Hải	416,8	682.718	0	7.348.700	0	8.031.418
9	Trần Ba	Vĩnh Hội, Cát Hải	1491,4	0	0	589.000	0	589.000
10	Nguyễn Xuân Sự	Vĩnh Hội, Cát Hải	952,9	1.560.850	0	12.724.000	0	14.284.850
11	Lê Minh Hiếu	Vĩnh Hội, Cát Hải	1233,7	2.035.706	0	17.499.300	0	19.535.006

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Bồi thường, hỗ trợ đất	Vật kiến trúc, mồ mã	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
12	Đoàn Văn Lý	Vĩnh Hội, Cát Hải	1032,6	1.956.755	0	105.168.000	0	107.124.755
13	Bùi Văn Nho	Vĩnh Hội, Cát Hải	11533,1	12.513.992	0	107.246.900	0	119.760.892
14	Ngô Chí Hùng	Vĩnh Hội, Cát Hải	1097,0	2.536.443	0	18.324.000	0	20.860.443
15	Đoàn Văn Dũng	Vĩnh Hội, Cát Hải	2532,4	1.047.501	2.893.320	6.969.000	1.089.000	11.998.821
16	Huỳnh Xuân Dũng Nguyễn Thị Lài	Vĩnh Hội, Cát Hải	2468,6	9.257.384	13.548.327	4.541.020	3.267.000	30.613.731
17	UBND xã Cát Hải	Vĩnh Hội, Cát Hải	35012,3	0	0	0	0	0
18	Phan Vạn Lộc Phạm Thị Lượm	Vĩnh Hội, Cát Hải	256,9	17.803.170	0	195.000	0	17.998.170
19	Phạm Ngọc Tuấn	Vĩnh Hội, Cát Hải	666,4	0	0	0	0	0
20	Phạm Đồng	Vĩnh Hội, Cát Hải	3566,3	0	0	0	0	0
II	<i>Các hộ dân đã phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 25/01/22, bổ sung giá trị tại phương án đợt này</i>							
21	Đỗ Văn Tơ Lê Thị Bích Thủy	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	0	2.411.100	1.856.000	0	4.267.100
22	Võ Kế Hà	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	0	2.411.100		6.534.000	8.945.100
23	Nguyễn Văn Cư Võ Thị Ánh	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	0	1.932.000	0	0	1.932.000
24	Trần Thị Hạnh Nguyễn Văn Bình	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	0	2.893.320	352.000	7.623.000	10.868.320

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Bồi thường, hỗ trợ đất	Vật kiến trúc, mồ mã	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
25	Nguyễn Thành Châu Mai Thị Giàu	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	0	5.400.000	0	0	5.400.000
III	Các hộ có mồ mã bị ảnh hưởng							
26	Lê Thị Hồng Vân	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	-	170.792.758	-	-	170.792.758
27	Phạm Ngọc Tuấn	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	-	49.385.137	-	-	49.385.137
28	Ngô Chí Hùng	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	-	5.000.000	-	-	5.000.000
29	Mộ có thân chủ nhưng chưa kê khai	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	-	287.700.000	-	-	287.700.000
30	Mộ vô chủ	Vĩnh Hội, Cát Hải	0,0	-	60.000.000	-	-	60.000.000
31	Trần Văn Thung	Vĩnh Hội, Cát Hải			2.500.000			2.500.000
32	Trần Văn Trọng	Vĩnh Hội, Cát Hải			5.000.000			5.000.000
33	Lê Văn Dư	Vĩnh Hội, Cát Hải			2.500.000			2.500.000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		72459,8	64.476.733	614.367.063	369.146.820	18.513.000	1.066.503.615
B	Giá trị hỗ trợ di chuyển (Theo Phụ lục số 02)							101.840.000
C	Chi phí phục vụ GPMB 2%							23.366.872
D	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế 0,2%							2.336.687
E	Tổng cộng							1.194.047.175

Phụ lục số 02
GIÁ TRỊ HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ MẢ CỤ LY TỪ 10 KM ĐẾN 15 KM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Chi phí hỗ trợ di chuyển mộ cụ ly từ 10 km đến 15 km					
			Số lượng				Đơn giá	Thành tiền (đồng)
			Mộ đất A1	Mộ xây B3	Mộ xây B5	Tổng		
1	Lê Thị Hồng Vân	Vĩnh Hội, Cát Hải		4	3	7	670.000	4.690.000
2	Phạm Ngọc Tuấn	Vĩnh Hội, Cát Hải		1	1	2	670.000	1.340.000
3	Ngô Chí Hùng	Vĩnh Hội, Cát Hải	2			2	670.000	1.340.000
4	Mộ có thân chủ nhưng chưa kê khai	Vĩnh Hội, Cát Hải	113			113	670.000	75.710.000
5	Mộ vô chủ	Vĩnh Hội, Cát Hải	24			24	670.000	16.080.000
6	Trần Văn Thung	Vĩnh Hội, Cát Hải	1			1	670.000	670.000
7	Trần Văn Trọng	Vĩnh Hội, Cát Hải	2			2	670.000	1.340.000
8	Lê Văn Dư	Vĩnh Hội, Cát Hải	1			1	670.000	670.000
Tổng cộng			143	5	4	152		101.840.000